TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2023/HNGĐ-ST
Ngày 21 - 8 - 2023
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị HoàiTnh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trần Thị Tím
2. Bà Ngô Thị Oanh Kiều

- Thư ký phiên tòa: Bà Kim Thị Bô Na, Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà VinhTm gia phiên tòa: Bà Huỳnh Đoàn Tố Quyên, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 114/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2023 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 31/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/7/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2023/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Thạch Thị T, sinh năm 1996 (có đơn xin xét xử vắng mặt).
  Địa chỉ: Ấp D, xã Th, huyện Ng, tỉnh Trà Vinh.
- Bị đơn: Anh Thạch V; sinh năm 1993 (vắng mặt)
  Địa chỉ: Ấp S, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/4/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Thạch Thị T trình bày: Vào năm 2015 do quen biết trước nên chị và anh V có tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân với nhau có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, sau khi cưới thì vợ chồng về sống bên cha mẹ ruột của chị sau đó lên Bình Dương tìm việc làm, thời gian đầu vợ chồng sống rất hạnh phúc, luôn quan tâm cho nhau, đến năm 2019 thì anh V không chịu làm chung với chị, anh V đòi chuyển qua Thành phố làm, chị không đồng ý nhưng anh cứ mặc kệ, từ đó tình cảm vợ chồng không còn như trước nửa, anh V ít khi về

đến thăm chị, nguyên nhân do anh V quen người đàn bà khác, thời gian sau anh bị tai nạn giao thông, chị vẫn qua chăm sóc đến khi hết bệnh anh V vẫn cứ đi làm, bỏ mặc chị không quan tâm đến từ đó tình cảm vợ chồng rất tẻ nhạt mạnh ai nấy sống không còn quan tâm đến nhau, vì vậy mà vợ chồng không thể sống chung được và vợ chồng đã ly thân từ năm 2021 đến nay, không ai tạo điều kiện hàn gắn lại, nay chị nhận thấy không thể tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân giữa này nửa vì không còn tình cảm với nhau, sống chung không có hạnh phúc và mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Thạch V; Về con chung: Thạch Thị Đ; sinh ngày 21/11/2015 chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, tự nguyện không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản hòa giải của Tòa án nhân dân huyện C và bản tự khai ngày 28/4/2023 bị đơn anh Thạch V trình bày: Về thời gian kết kết hôn, con chung anh thống nhất theo lời trình bày của chị T, tuy nhiên nguyên nhân vợ chồng mâu thuẩn theo lời trình bày của chị T có phần đúng phần sai, sai là anh không có quen người khác mà người đó chỉ là bạn bè làm chung với anh, khi anh bị tai nạn người đó có qua thăm, anh thừa nhận vợ chồng ly thân từ năm 2021 đến nay. Tuy nhiên anh vẫn còn thương yêu vợ, con mong muốn vợ chồng được đoàn tụ với nhau để con có đầy đủ cha lẫn mẹ. Về tài sản chung, nợ chung anh thống nhất không có, không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những ngườiTm gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn đã vắng mặt trong quá trình tố tụng là vi phạm Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung, căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, bị đơn và kết quả xác minh, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;Nghị quyết: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thạch Thị T; Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Thạch Thị T được ly hôn với anh Thạch V, về con chung: Thạch Thị Đ; sinh ngày 21/11/2015 giao cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con, chị T không yêu cầu nên không xem xét, về tài sản chung, nợ chung chịT khai không có, không yêu cầu nên không xem xét xét, về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, buộc chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Thạch Thị T yêu cầu được ly hôn với anh Thạch V và anh chị có một người con chung dưới 18 tuổi nên đây là vụ kiện "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn anh Thạch V có nơi cư trú trên địa bàn huyện C, căn cứ khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về thủ tục tố tụng: Hiện tại anh Thạch V đang có mặt tại địa phương và đã đến Tòa án dự phiên hòa giải một lần, tuy nhiên những lần sau Tòa án triệu tập lại anhV đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án và người thân cũng đã nhậnTy các văn bản tố tụng của Tòa án. Tuy nhiên anh V vẫn không có mặt tại Tòa án để giải quyết yêu cầu xin ly hôn của chịT và tại phiên tòa hôm nay anhV vẫn váng mặt không lý do, riêng chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh V.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Thạch Thị T và anh Thạch V tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện Ng, tỉnh Trà Vinh ngày 07/12/2016 theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa anh, chị là hợp pháp. Theo chị T trình bày sau khi kết hôn, vợ chồng lên Bình Dương tìm việc làm thời gian đầu vợ chồng sống rất hạnh phúc, luôn quan tâm cho nhau, đến năm 2019 thì anh V không chịu làm chung với chị, anh V đòi chuyển qua Thành phố làm, chị không đồng ý nhưng anh cứ mặc kệ, từ đó tình cảm vợ chồng không còn như trước nửa, anh V ít khi về đến thăm chị, nguyên nhân do anh V quen người đàn bà khác, thời gian sau anh bị tai nạn giao thông, chị vẫn qua chăm sóc đến khi hết bệnh anhV vẫn cứ đi làm, bỏ mặc chị không quan tâm đến từ đó tình cảm vợ chồng rất tẻ nhạt mạnh ai nấy sống không còn quan tâm đến nhau, vì vậy mà vợ chồng không thể sống chung được và vợ chồng đã ly thân từ năm 2021 đến nay, không ai tạo điều kiện hàn gắn lại, riêng anh V thì cho rằng anh không có quen người đàn bà khác, tuy nhiên anh thừa nhận vợ chồng ly thân từ năm 2021 đến nay, không ai tạo điều kiện hàn gắn lại, mặc dù vậy nhưng anh không đồng ý ly hôn với chị T. Hội đồng xét xử xét thấy qua nhiều lần Tòa án mời chị T đến để tác động chịT suy nghĩ lại về mối quan hệ hôn nhân giữa chị và anhV nhưng chị T vẫn kiên quyết yêu cầu được ly hôn với anh V vì giữa chị và anhV không còn tình cảm thương yêu nhau nửa, hiện tại vợ chồng không còn sống chung với nhau, không quan tâm với nhau, mạnh ai nấy ai sống, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, cho chị T được ly hôn với anh V.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, chị Thạch Thị T và anh Thạch V có một người con chung tên Thạch Thị Đ; sinh ngày 21/11/2015 từ nhỏ cho đến nay đều sống chung với chị T và trong quá trình giải quyết vụ án cháu Đ có nguyện vọng

được sống chung với mẹ là chị T, theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, con từ đủ 07 tuổi trở lên phải xem xét nguyện vọng của con. Do đó Hội đồng xét xử giao cháu Đ cho chị T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, chị T tự nguyện không có yêu cầu bên không trực tiếp nuôi con phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử chấp nhận, không buộc anhV phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: Chị Thạch Thị T khai không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị Thạch Thị T khai không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Thạch Thị T phải chịu theo quy định.

[7] Quan điểm của Vị Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện C là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228 và các Điều 238, 271; 273; 278; 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 58 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thạch ThịT.

1.Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Thạch Thị T được ly hôn với anh Thạch V.

2.Về con chung: Giao cháu Thạch Thị Đ; sinh ngày 21/11/2015 cho chị Thạch Thị T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng (phù hợp theo nguyện vọng của cháu Đ), về cấp dưỡng nuôi con, chị T tự nguyện không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Anh Thạch V không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản, đồng thời anh V cũng phải có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được chung sống với chịT. Vì quyền lợi về mọi mặt của con, sau khi ly hôn chị T hoặc anh V có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

3.Về tài sản chung: Chị Thạch Thị T khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4.Về nợ chung: Chị Thạch Thị T khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình bằng 300.000 đồng, buộc chị Thạch Thị T phải chịu, cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0015278, ngày 18/04/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C thì chị T đã nộp đủ tiền án phí, không phải nộp thêm.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Thạch Thị T và anh Thạch V vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TA tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện C;
- Chi cụcTDS huyện C;
- UBND xã (thị trấn);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị HoàiTnh